

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án đường nối QL.1 với QL.45 từ xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 21/9/2020 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án đường nối QL.1 với QL.45 từ xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 250/TTr-SGTVT ngày 18/01/2021 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án đường nối QL.1 với QL.45 từ xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án đường nối QL.1 với QL.45 từ xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Dự án đường nối QL.1 với QL.45 từ xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa.

**2. Dự án:** nhóm B, công trình giao thông đường bộ, cấp II.

**3. Địa điểm xây dựng:** Các huyện Hoằng Hóa và Thiệu Hóa.

#### 4. Quy mô đầu tư

4.1. *Phân đường*: Đầu tư xây dựng mới khoảng 14,6km đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (theo TCVN 4054:2005) có: bề rộng nền đường  $B_n=12m$ , bề rộng mặt đường  $B_m=11m$  (trong đó gia cố lề mỗi bên rộng 2,0m có kết cấu đồng nhất với kết cấu mặt đường), lề đất 2x0,5m.

4.2. *Công trình cầu*: Thiết kế theo TCVN 9386:2012, có bề rộng phù hợp với bề rộng đường; tải trọng thiết kế HL93, người đi  $3 \times 10^{-3}Mpa$ ; tần suất thủy văn đối với cầu lớn  $P=1\%$ , cầu trung  $P=2\%$ , cầu nhỏ và đường  $P=4\%$ .

4.3. *Cắm mốc lộ giới quản lý hai bên tuyến đường*: Theo quy mô đường cấp I đồng bằng và lộ giới đường gom kết nối KCN Phú Quý, huyện Hoàng Hóa.

**5. Phạm vi khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi**: Điểm đầu Km0-giao với QL.1 tại Km311+890, thuộc địa phận xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa; điểm cuối Km14+600-giao với QL.45 tại Km56+300, thuộc địa phận xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 14,6km (qua huyện Hoàng Hóa 6,22km và qua huyện Thiệu Hóa 8,38km).

**6. Hệ thống quy trình, quy phạm áp dụng**: Theo quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

**7. Nhiệm vụ và khối lượng thực hiện**: Theo Tờ trình số 250/TTr-SGTVT ngày 18/01/2021 của Sở Giao thông vận tải.

**8. Giá trị dự toán phê duyệt: 6.609.090.000 đồng** (Sáu tỷ, sáu trăm lẻ chín triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H'2.343).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Xuân Liêm**

**Phụ lục: Dự toán chi phí công việc thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư  
Dự án: Đường nối QL.1 với QL.45 từ xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa đến  
xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa**

(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng.

<b>TT</b>	<b>Hạng mục chi phí</b>	<b>Phương pháp xác định</b>	<b>Thành tiền</b>
1	Chi phí khảo sát	Dự toán chi tiết	3.328.731.000
2	Dự phòng chi phí khảo sát	10% *Gks	332.873.000
3	Chi phí lập báo cáo NCKT (tạm tính theo Tờ trình 3950/TTr-SGTVT ngày 16/9/2020 và Nghị quyết 308/NQ-HĐND: Gxltt=781 tỷ đồng)	0,192%*Gxltt	1.500.301.000
4	Chi phí lập hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB&MLG (tạm tính chi phí cắm cọc =925 triệu đồng)	0,689%*Gcgpmb	5.794.000
5	Chi phí cắm cọc GPMB &MLG (tạm tính)	Tạm tính	925.000.000
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT và thẩm định HSMT& kết quả trúng thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Theo khoản 3,4,5,7 Điều 9 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014	15.709.000
7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	3%*Gks	90.784.000
8	Chi phí giám sát công tác khảo sát	3,8%*Gks	115.083.000
9	Chi phí giám sát công tác cắm cọc GPMB&MLG (tạm tính)	3,203%*Ggpmb	26.934.000
10	Chi phí thẩm tra Báo cáo Nghiên cứu khả thi	0,034%*Gxltt	267.881.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>(cộng 1 - 10)</b>	<b>6.609.090.000</b>